

NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG VIỆC ĐÀO TẠO THEO TÍN CHỈ HỌC PHẦN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG HIỆN NAY

Nguyễn Thu Thủy - Trường Đại học Hạ Long

Ngày nhận bài: 25/05/2017; ngày sửa chữa: 06/06/2017; ngày duyệt đăng: 12/06/2017.

Abstract: Credit-based training is the trend of many universities in the world, including Ha Long University. The article mentions situation of teaching the module Principles of Marxism-Leninism under credit-based training in terms of the knowledge introduction and political education for students at Ha Long University. Also, the article proposes some solutions to improve quality of teaching this module at the university.

Keywords: Principles of Marxism-Leninism, Ha Long University, disadvantages, advantages.

1. Mở đầu

Đất nước đang bước vào giai đoạn CNH, HDH, tiến tới hội nhập với thế giới và khu vực; vì vậy, yêu cầu đặt ra với nền giáo dục Việt Nam là phải nâng cao chất lượng đào tạo người học nói chung và đào tạo đại học nói riêng. Để làm được điều đó thì việc đổi mới phương thức đào tạo là nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của giáo dục đại học Việt Nam. *Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 2/11/2005 về Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020* đã nêu rõ: “*Xây dựng và thực hiện lộ trình chuyển sang chế độ đào tạo theo hệ thống tín chỉ (TC), tạo điều kiện thuận lợi để người học tích lũy kiến thức, chuyên đổi ngành nghề, liên thông, chuyển tiếp tới các cấp học tiếp theo ở trong nước và ở nước ngoài*” [1]. Thực hiện chủ trương trên, các trường đại học ở nước ta đang chuyển từ phương thức đào tạo niên chế sang phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ (HCTC). Đào tạo theo HCTC là phương thức đào tạo chủ động, hiệu quả và có nhiều ưu điểm hơn so với phương thức đào tạo theo niên chế. Thực chất việc chuyển đổi từ niên chế sang HCTC là phải đổi mới hoàn toàn phương pháp giảng dạy, từ dạy - học thụ động chuyển sang dạy - học tích cực.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vài nét về học chế tín chỉ

2.1.1. Khái niệm:

- *Tín chỉ* (Credit) là đơn vị đo lường kiến thức mà sinh viên (SV) tích lũy được qua quá trình nghe giảng lý thuyết, làm bài tập, tự nghiên cứu và tham gia các hoạt động thảo luận, thuyết trình, viết tiểu luận... theo yêu cầu và hướng dẫn của giảng viên (GV).

- *Học chế tín chỉ* được hiểu là chương trình đào tạo, trong đó sử dụng TC làm đơn vị đo kiến thức; đồng thời là đơn vị để đánh giá kết quả học tập của SV. Sau khi tích

lũy được một số lượng TC tối thiểu là SV đã hoàn thành chương trình đào tạo.

2.1.2. Nội dung

Khối lượng dạy và học theo HCTC được tính theo TC. Nội dung các môn học, các học phần được quy ra thành số TC và chương trình đào tạo cũng được quy định thông qua số TC tối thiểu:

- Khối lượng học tập gồm 1 tiết học lý thuyết trên lớp với 2 tiết chuẩn bị bài trong 1 tuần lễ và kéo dài trong 15 tuần/1 học kì (tương đương với 15 tiết lý thuyết và 30 tiết chuẩn bị bài ở nhà/học kì) thì được tính 1 TC;

- 2 tiết thực hành, thực tập (gọi tắt là thực hành) ở studio hay trong phòng thí nghiệm với 1 tiết chuẩn bị bài trong 1 tuần và kéo dài trong 1 học kì 15 tuần (tương đương với 30 tiết thực hành và 15 tiết chuẩn bị ở nhà/học kì) thì được tính 1 TC;

- 2 đến 3 giờ tự học, tự nghiên cứu được đánh giá và tích lũy vào kết quả cuối cùng của học phần trong 1 tuần, kéo dài trong 1 học kì 15 tuần (tương đương với 45 tiết tự học, tự nghiên cứu/học kì) được tính tương đương 1 TC;

- Giờ tiểu luận, đồ án học phần, khóa luận tốt nghiệp 45 giờ được tính 1 TC;

- Giờ thực tập tại xí nghiệp 60 giờ được tính 1 TC.

Ở một số nước, để đạt được bằng cử nhân (Bachelor), SV phải tích lũy đủ từ 120-150 TC; chẳng hạn, ở Mỹ là 120-136 TC; Nhật Bản: 120-135 TC; Thái Lan: 120-150 TC... Ở Việt Nam, theo *Quyết định số 31/2001/QĐ-BGDĐT* ngày 30/07/2001, số TC tối thiểu để SV đạt được bằng cử nhân là 140. Thời gian đào tạo của khóa học có thể thay đổi theo năng lực và điều kiện của mỗi SV. Đại học 4 năm, số TC tích lũy tối thiểu là 140, có thể rút ngắn tối đa là 2 học kì chính và kéo dài thêm tối đa là 4 học kì chính. Với đại học 5 năm, số TC tích lũy tối thiểu là 180, có thể rút ngắn tối đa là 3 học kì chính và kéo dài

thêm tối đa là 5 học kì chính. SV chủ động đăng kí các học phần, số TC sẽ hoàn thành trong một học kì.

Từ năm học 2015-2016, Bộ môn *Giáo dục chính trị* ở Trường Đại học Hạ Long đã tiến hành giảng dạy các môn *Lí luận Mác-Lênin* cho SV các lớp đại học chính quy, các lớp cao đẳng bắt đầu thực hiện từ năm học 2016-2017. Sau 2 năm giảng dạy môn *Những nguyên lí cơ bản (NNLCB) của chủ nghĩa Mác-Lênin*, chúng tôi đã rút ra những kinh nghiệm, bài học thực tiễn như sau:

2.2. Những thuận lợi và khó khăn trong việc đào tạo theo tín chỉ học phần Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin ở Trường Đại học Hạ Long

2.2.1. Thuận lợi

2.2.1.1. Về phía giảng viên

Tổ bộ môn NNLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin Trường Đại học Hạ Long có 5 người (trong đó 2 NCS, 3 ThS). Đội ngũ GV có trình độ chuyên môn vững vàng, giàu nhiệt huyết, luôn cống hiến hết mình với phương châm “tất cả vì học sinh thân yêu”. Khi thực hiện đào tạo môn NNLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin theo HCTC, các GV đã chủ động tiến hành:

- *Biên soạn đề cương chi tiết học phần phục vụ dạy - học*: xây dựng đề cương bài giảng theo phương châm giảm số giờ dạy nhưng luôn đảm bảo nội dung chương trình (chương trình đào tạo theo niên chế 112,5 tiết, đào tạo theo HCTC 70 tiết). Do đó, GV phải biết lựa chọn những vấn đề căn bản, cốt lõi, quan trọng để dạy, phần còn lại giao cho SV tự học ở nhà và kiểm tra thường xuyên. Nhiệm vụ này không dễ thực hiện, nhất là khi GV luôn phải đảm bảo truyền đạt đủ nội dung kiến thức, hình thành cho SV thế giới quan duy vật, nhân sinh quan cách mạng, vận dụng những nội dung học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra.

- *Đổi mới phương pháp dạy - học, đánh giá*: GV đã chủ động đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá, chuyển từ lối truyền đạt kiến thức một chiều sang tăng cường các hoạt động học tập cho SV, phát huy vai trò tích cực, chủ động sáng tạo, tự nghiên cứu cho SV bằng các phương pháp dạy học hiện đại, như: thảo luận, làm việc nhóm, xử lí tình huống, tiểu luận, viết báo cáo; đồng thời, luôn liên hệ với kiến thức thực tế, với quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội...; thường xuyên kiểm tra phần chuẩn bị trước của SV. Tổ bộ môn đã chủ động xây dựng ngân hàng câu hỏi, hướng dẫn SV ôn tập vào cuối môn học. (chúng tôi đã xây dựng được 200 bộ câu hỏi ôn tập của học phần này).

- *Nghiên cứu khoa học* cũng là một yêu cầu đối với GV, là thành tố không thể thiếu trong việc hình thành phương pháp dạy học mới, bởi nó giúp thầy tìm kiếm,

phát hiện, giúp trò gắn “học với hành”, phát triển tư duy logic và rèn luyện phương pháp luận sáng tạo. Nghiên cứu khoa học cũng chính là phương thức hiệu quả nhất để GV có thể nâng cao chất lượng chuyên môn. Nhà trường khuyến khích các GV bộ môn *Chính trị* nói riêng và các GV khác nói chung thường xuyên nghiên cứu khoa học, tự xây dựng cho mình hướng đề tài nghiên cứu lâu dài phù hợp với thực tiễn giảng dạy bộ môn; từ đó, xác định kế hoạch nghiên cứu khoa học cho từng thời kì.

2.2.1.2. Về phía sinh viên

Phương thức đào tạo này giúp SV chủ động lập kế hoạch học tập cho mình theo từng tuần, tháng; lựa chọn tiến độ học tập phù hợp với khả năng, điều kiện tài chính của bản thân; hình thành phương pháp học tập phù hợp, hiệu quả. SV phải chủ động tìm hiểu đề cương các môn học, theo đó chuẩn bị đọc tài liệu trước giờ học, tích cực chủ động tham gia thảo luận trong lớp, cũng như làm bài tập, viết tiểu luận...

Với quy định phải đánh giá kết quả học tập theo cả quá trình nên đã giảm đáng kể tình trạng SV đợi đến khi thi kết thúc học phần mới ôn tập, làm bài tập; mà SV phải hết sức nỗ lực trong suốt thời gian học để có thể hoàn thành các bài tập nhóm, thu hoạch cá nhân, thảo luận, kiểm tra thường xuyên, thi giữa kì... Học phần NNLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin được nhà trường chia học trong 2 học kì: *Nguyên lí 1, nguyên lí 2*; ở mỗi phần có 1 bài thi kết thúc, 1 bài kiểm tra (tiểu luận), sau mỗi chương đều có câu hỏi thảo luận và phần tự học của SV.

2.2.1.3. Về phía nhà trường

Ban Giám hiệu và các phòng ban trực thuộc trong trường đã tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất cho việc dạy - học học phần này: được dạy - học trên giảng đường hiện đại có sức chứa hơn 200 chỗ ngồi với đầy đủ trang thiết bị loa, đài, máy chiếu...; thư viện điện tử Nguyễn Tất Thành có hơn 1.000 đầu sách, báo, tạp chí thuận lợi cho SV tìm hiểu, tra cứu, làm bài tập. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh kết hợp với tổ bộ môn thường xuyên tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về chủ nghĩa Mác-Lênin: “Ánh sáng soi đường”... Đây không chỉ là sân chơi giải trí lành mạnh, bổ ích, qua đó hình thành cho SV sự hiểu biết, kiến thức, rèn luyện đạo đức, yêu môn học, củng cố lập trường tư tưởng chính trị cho bản thân.

Từ những điều kiện thuận lợi trên nên kết quả thi cuối học phần SV đạt khá cao (trên 80%). Số SV thi lại, học lại giảm xuống so với thời gian trước (trước trên 40%). Đây cũng là tín hiệu đáng mừng nhằm từng bước khẳng định chất lượng đào tạo của nhà trường.

2.2.2. Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi, việc đào tạo theo HCTC học phần *NNLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin* còn gặp một số khó khăn cơ bản như: - Phương pháp dạy học của một bộ phận GV và SV chưa thực sự đáp ứng yêu cầu của đào tạo theo hệ thống TC; - Phương pháp giảng dạy của GV chủ yếu vẫn theo lối truyền đạt kiến thức thụ động. Việc sử dụng công nghệ thông tin, áp dụng những phương pháp dạy tích cực mới chỉ tập trung ở một số GV, một số tiết dạy chứ chưa phổ biến; - Do phải lên lớp nhiều, một số GV chưa dành được quỹ thời gian thích đáng cho tư vấn, hướng dẫn SV tự học ngoài giờ lên lớp. Hay, thời gian lên lớp quá ngắn (2 tiết/tuần) nên GV khó có thể cung cấp hết kiến thức cho SV. GV chưa quen với cách đánh giá theo hệ thống TC, trọng số điểm chuyên cần thấp không ràng buộc SV đến lớp; - SV còn tư tưởng và thói quen học tập chưa phù hợp với việc đào tạo theo HCTC. Phần lớn SV còn lúng túng trong tự học, tự nghiên cứu và chưa chủ động, tự giác trong việc tiếp cận kiến thức, kỹ năng, không tìm tòi thông tin mở rộng kiến thức xã hội của mình, không phát huy hết tiềm năng của các phương tiện học tập, chưa có phương pháp học tập hiệu quả ở đại học. Tính kế hoạch và tự giác của SV còn kém nên rất dễ bị lười biếng, sai tiến độ học tập hoặc bị buộc thôi học.

2.3. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng bộ môn

2.3.1. Xây dựng đội ngũ ban cố vấn của môn học

Để loại bỏ thói quen học tập bị động của SV, xây dựng tính chủ động, sáng tạo trong học tập, GV cần giúp SV nhận thức rõ vai trò, vị trí, trách nhiệm của mình trong học tập và chủ động xây dựng được kế hoạch học tập cho riêng mình. Để làm được điều này chúng ta cần sự giúp đỡ của cố vấn học tập môn học (CVHTMH). Trong đó, GV CVHTMH có vai trò đặc biệt quan trọng, không thể thiếu. Mỗi CVHTMH là một nhân tố then chốt trong mối quan hệ Khoa cơ bản - Nhà trường - SV; là chuyên gia tư vấn về học tập, giải đáp những khó khăn, thắc mắc cho SV, đồng hành cùng SV trong suốt quá trình học tập; định hướng và có ảnh hưởng trực tiếp đến sự thành công trong học tập của SV. Nhiệm vụ của CVHTMH là tư vấn về phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học học phần này. CVHTMH được ví như người thầy, người dẫn đường, người bạn của mỗi SV và được coi như chất xúc tác trong quá trình học tập, nghiên cứu của SV, qua đó giúp SV chủ động trong việc học tập, nghiên cứu trong thời gian học cũng như sau này.

Đội ngũ CVHTMH *NNLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin* thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của mình, nhà

trường cần xây dựng quy chế hoạt động và chính sách hỗ trợ thích hợp về vật chất và thời gian để họ có thể phát huy hết năng lực của mình, giúp SV đạt kết quả cao.

2.3.2. Cải tiến công tác quản lý đào tạo

Xây dựng phần mềm quản lý công tác học tập cho SV thật linh hoạt, hiệu quả; kết nối giữa phòng đào tạo với khoa cơ bản và tổ bộ môn nhằm tạo sự thông suốt; SV có thể đăng kí môn học tự động trên mạng. Đồng thời, cần trang bị cho đội ngũ CVHTMH và cán bộ các khoa, phòng kiến thức cơ bản khi sử dụng các phần mềm tự động đó. Phòng đào tạo sắp xếp kế hoạch giảng dạy học phần *NNLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin* hợp lý để tạo điều kiện cho GV bộ môn có điều kiện thuận lợi thực hiện đúng quy định về thời gian dạy và thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học; SV tiết kiệm được thời gian học tại lớp, dành nhiều thời gian tự học, tham gia các hoạt động tư vấn, công tác đoàn, hội, công tác xã hội... để vừa nâng cao trình độ chuyên môn, vừa đảm bảo mục tiêu đào tạo toàn diện trong nhà trường.

2.3.3. Thay đổi nhận thức của giảng viên bộ môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin nói riêng và cán bộ giáo viên nhà trường nói chung

Phải coi việc thực hiện đào tạo theo TC là một thực tế, đang vận động theo quy luật khách quan; từ đó, xác định rõ trách nhiệm quản lý, triển khai hoạt động đào tạo của trường là nhiệm vụ quan trọng cần đầu tư thích đáng. Xác định quá trình thực hiện là một chặng đường dài “không được đốt cháy giai đoạn”. Cần xây dựng lộ trình phù hợp, trên nền tảng đồng thuận, đóng góp công sức và quyết tâm của toàn thể nhà trường cùng thực hiện. Thực hiện từng lĩnh vực cho hoàn thiện, có sơ kết rút kinh nghiệm, chỉnh sửa, bổ sung từ cơ sở vật chất, xây dựng chương trình - nội dung, đề cương bài giảng, giáo trình, bồi dưỡng đội ngũ cố vấn học tập, phương tiện quản lý đào tạo, phương tiện phục vụ dạy và học, cơ sở học tập...

Để trang bị cho SV những kỹ năng học, tự học và tự nghiên cứu ngay từ khi mới bước chân vào trường, cần mở các lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ năng học và tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, giải quyết vấn đề... để giúp SV mới có được kỹ năng cơ bản trong việc học, tự học, tự nghiên cứu. SV sẽ được huấn luyện cụ thể về các kỹ năng nghe giảng, đọc sách và tài liệu, tóm tắt vấn đề, ghi chú bài giảng, hệ thống hóa bài học, viết báo cáo khoa học...

2.3.4. Đổi mới phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của SV cần phải đổi mới theo hướng sử dụng các loại kiểm tra khác nhau, như: kiểm tra ngắn, đột xuất, bài tập làm ở nhà, báo cáo nghiên cứu khoa học, tiểu luận, thi giữa học kì... Về nội

dung, các bài kiểm tra, đánh giá nên được tăng cường các phần thuộc loại nhận thức bậc cao trong bảng xếp loại Bloom, như: áp dụng, phân tích, tổng hợp và thẩm định nhằm giúp SV chú ý suy luận, nghiên cứu, phân tích, giải quyết vấn đề thường xuyên trong quá trình học tập, chấm dứt tình trạng “học vẹt”, “học tủ”, hay “dùng phao” để gian lận trong thi cử. Muốn vậy, GV cần khuyến khích SV tham khảo nhiều tài liệu khi làm bài ở nhà, có thể cho SV hợp tác theo nhóm hay sử dụng tài liệu trong các kì thi giữa học kì và cuối khóa.

3. Kết luận

Quá trình thực hiện phương thức đào tạo theo HCTC học phần *NNLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin* ở Trường Đại học Hạ Long còn nhiều khó khăn; song với sự cố gắng nỗ lực không ngừng của các GV trong tổ bộ môn và sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo nhà trường, những thành công bước đầu là tín hiệu khả quan khẳng định những lợi ích của hình thức đào tạo này phù hợp với người học, với xã hội và xu hướng giáo dục của thế giới.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (2005). *Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 về việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020*.
- [2] Bộ GD-ĐT (2007). *Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*.
- [3] Phạm Thị Loan (2014). *Bài học kinh nghiệm qua 4 năm thực hiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại khoa Giáo dục Mầm non Trường Đại học Hải Phòng*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, số 57, tr 60-65.
- [4] Bộ GD-ĐT (2012). *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [5] Bộ GD-ĐT (2007). *Tài liệu hướng dẫn dạy học, học tập các môn khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh*.
- [6] Phan Trọng Ngọ (2005). *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*. Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

QUẢN LÝ CÔNG TÁC PHỐI HỢP...

(Tiếp theo trang 8)

GD HS tại nhà trường là một quá trình không liên tục về cả mặt thời gian và không gian, vì thời gian nhà trường QL HS chỉ ở mức độ nhất định. Vì vậy, nhà trường cần

kết hợp với các lực lượng xã hội trong việc GD HS. Để làm tốt điều này, nhà trường cần tích cực vận động PHHS, các lực lượng xã hội ở địa phương tham gia GD HS theo kế hoạch chung của nhà trường. Điều này rất quan trọng vì chỉ khi hiểu rõ vai trò của sự phối hợp, sự cần thiết phải tạo ra tính thống nhất và liên tục của quá trình GD thì PHHS, các lực lượng xã hội sẽ tự giác tham gia vào quá trình GD do nhà trường đề ra.

3. Kết luận

Trong lí luận cũng như trong thực tiễn GD, sự thống nhất tác động GD từ nhà trường, gia đình và xã hội được xem là vấn đề có tính nguyên tắc đảm bảo cho mọi hoạt động GD có điều kiện đạt hiệu quả tốt. Vì vậy, trong công tác QL GD, nhà QL cần quan tâm QL sự phối hợp giữa nhà trường với các LLGD ngoài nhà trường. Sự phối hợp giữa các LLGD là một yếu tố rất quan trọng, quyết định chất lượng GD nói chung, chất lượng GDMT nói riêng. Nếu hiệu trưởng QL tốt sự phối hợp thì công việc QL sẽ gặp nhiều thuận lợi và ngược lại; vì vậy, nhà QL cần xác định các kênh phối hợp trong quá trình QL của mình.

Thực tiễn công tác phối hợp trong hoạt động GD môi trường cho HS tiểu học TP. Đà Nẵng cho thấy, việc nâng cao nhận thức về quản lí công tác phối hợp, xây dựng kế hoạch phối hợp, xác định cụ thể nội dung, trách nhiệm và xây dựng cơ chế phối hợp giữa nhà trường và các lực lượng giáo dục khác là rất quan trọng. Thực hiện đồng bộ, thống nhất và liên tục các giải pháp quản lí công tác phối hợp trong hoạt động GDMT là điều kiện giúp nâng cao hiệu quả GDMT cho HS tiểu học trên địa bàn TP. Đà Nẵng.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Hữu Dực - Vũ Thu Hương - Nguyễn Thị Vân Hương - Nguyễn Thị Thân (2003). *Giáo dục môi trường trong trường tiểu học*. NXB Giáo dục.
- [2] Trần Thị Hương (2014). *Giáo dục học phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
- [3] Nguyễn Dục (1986). *Giáo dục bảo vệ môi trường trong nhà trường*. NXB Giáo dục.
- [4] Hà Nhật Thăng - Lê Tiến Hùng (1995). *Tổ chức hoạt động giáo dục*. NXB Giáo dục.
- [5] Bộ GD-ĐT (1998). *Các hướng dẫn chung về giáo dục môi trường dành cho người đào tạo giáo viên trường tiểu học*. Dự án quốc gia VIE/95/041.
- [6] Bùi Minh Hiền (chủ biên, 2005). *Quản lí giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.
- [7] Bộ GD-ĐT. *Chỉ thị số 02/2005/CT-BGDĐT ngày 31/01/2005 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT Về việc tăng cường công tác giáo dục bảo vệ môi trường*.